

Số: /QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày tháng 11 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v công bố bổ sung Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 4831/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố bổ sung thủ tục hành chính trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 903/TTr-SNNMT ngày 20 tháng 11 năm 2025 đề nghị công bố bổ sung danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính bổ sung lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

**Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

**1. Sở Khoa học và Công nghệ:**

Đồng bộ đầy đủ, kịp thời dữ liệu thủ tục hành chính tại Quyết định này từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh chậm nhất 03 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định.

**2. Sở Nông nghiệp và Môi trường:**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết đối với từng thủ tục hành chính công bố tại Điều 1 Quyết định này; hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, cập nhật, đăng tải công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác Danh mục thủ tục hành chính, bộ phận tạo thành của thủ tục hành chính công bố tại Điều 1 Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

3. Văn phòng UBND tỉnh cập nhật, đăng tải công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác các dữ liệu thủ tục hành chính vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo quy định; đăng tải công khai Quyết định này trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- CT, PCT UBND tỉnh (Ô. Ngọc);
- CVP, PCVP (Ô. Thành);
- VNPT Phú Thọ;
- TT PV HCC;
- Lưu: VT, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Huy Ngọc**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN  
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ**

| Số TT | Mã TTHC | Tên TTHC                                                                                         | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                     | Địa điểm, cách thức thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Phí, lệ phí<br>(nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mức độ DVC trực tuyến | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Cơ quan giải quyết |
|-------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|       |         | Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | - 120 ngày đối với khoáng sản nhóm II;<br>- 60 ngày đối với khoáng sản nhóm I, nhóm II có quy mô phân tán, nhỏ lẻ;<br>- 45 ngày đối với khoáng sản nhóm | <b>1. Trực tiếp</b><br>1.1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ.<br><u>- Cơ sở 1: Địa chỉ:</u><br>Số 398 - đường Trần Phú - phường Việt Trì - tỉnh Phú Thọ; ĐT: 0210 2222 555<br><u>- Cơ sở 2: Địa chỉ:</u><br>số 5 - đường Nguyễn Trãi - phường Vĩnh Phúc - tỉnh Phú Thọ; ĐT: 0211 3616 618.<br><u>- Cơ sở 3: Địa chỉ:</u><br>Số 485 - đường Trần Hưng Đạo - phường Hòa Bình - tỉnh Phú Thọ; | Phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản:<br>- 10 triệu đồng đối với dự án có tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế đến 01 tỷ đồng;<br>- 10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ đồng) đối với dự án có tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế trên 01 đến 10 tỷ đồng;<br>- 55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng) đối với dự án có tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế trên 10 đến 20 tỷ đồng;<br>- 85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng) đối | Một phần              | - Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;<br>- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>- Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ | UBND tỉnh          |

|  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                       |  |                                                                                                                                                                                                                                                                            |  |
|--|--|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |  |  |  | <p><i>ĐT: 0218 3868 689</i></p> <p>1.2. Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.</p> <p><b>2. Trực tuyến</b><br/>Địa chỉ truy cập:<br/><i>www.dichvucong.gov.vn</i></p> <p><b>3. Dịch vụ Bru chính công ích.</b></p> | với dự án có tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế trên 20 tỷ đồng. |  | <p>trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.</p> |  |
|--|--|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|